

VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO E - LEARNING



BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Đề tài: Nâng cao chất lượng quản lý bằng việc sử dụng phần mềm quản lý khách sạn PING

Học viên thực hiện: Phạm Tuấn

Mã học viên: 2009-06-1-15-090613

Lớp: G1

Ngành: Tin học

Giảng viên hướng dẫn: Nguyễn Công Hoan

Hà Nội – 19/08/2012..

NHẬN XÉT BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....Ngày..... Tháng..... Năm.....

Nguyễn Công Hoan
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU BÀI TẬP VẬN DỤNG TRƯỚC TỐT NGHIỆP

I. Yêu cầu

Nâng cao chất lượng quản lý tại khách sạn PING bằng việc sử dụng phần mềm quản lý khách sạn

Thiết kế chương trình với dữ liệu tập trung, chức năng tìm kiếm nhanh các phòng trống theo ngày, theo loại phòng

Quản lý bảo mật bằng việc phân quyền sử dụng phần mềm

Chức năng thống kê đơn hàng, khách hàng, phòng

Chức năng sao lưu phục hồi dữ liệu tự động

II. Thông tin học viên:

Họ và tên học viên: Phạm Tuấn

Mã học viên: 2009-06-1-15-090613

Lớp: G1

Ngành: Tin Học

Đơn vị thực tập: Công Ty Cổ Phần FISINI Thôn Hạ - Mỹ Trì – Từ Liêm – Hà Nội

Cán bộ quản lý trực tiếp tại đơn vị thực tập: Ông Nguyễn Trường Sơn

Điện thoại: 0949598088

Email: keufootprint@yahoo.com

Tên báo cáo thực tập tốt nghiệp:

Nâng cao chất lượng quản lý bằng việc sử dụng phần mềm quản lý khách sạn PING

III. Nội dung bài tập

Stt	VẤN ĐỀ ĐÃ GẶP	GIẢI PHÁP ĐÃ NÊU	MÔN HỌC LIÊN QUAN	GIẢNG VIÊN MÔN HỌC LIÊN QUAN	KIẾN THỨC THỰC TẾ MÔN HỌC LIÊN QUAN
1	Vấn đề làm phần phân tích thiết kế chưa rõ ràng, cụ thể, có nhầm lẫn	Tách rõ phần phân tích riêng, thiết kế riêng Bổ xung phần mô tả thực thể	System analysis and Design	Nguyễn Công Hoan	IT501
2	Sửa lại phần thiết kế	Phần thiết kế luồng chương trình mức ngữ cảnh	Tài liệu hướng dẫn tốt nghiệp Topica	Nguyễn Công Hoan	IT501
3	Sửa lại phần thiết kế	Phần thiết kế luồng chương trình mức đỉnh và dưới đỉnh	Tài liệu hướng dẫn tốt nghiệp Topica	Nguyễn Công Hoan	IT501
4	Lỗi giao diện tiếng việt	Sử dụng Resource bundle thay thế các nhãn	Java Programming		Đã thử và không gặp lỗi Unicode trên java 5
5	Thiết kế cơ sở dữ liệu bị lỗi khóa tham chiếu	Tạo bản phụ lưu khóa nhiều - nhiều	System analysis		Dùng bản phụ để tham chiếu và giữ khóa sẽ là tốt nhất
6	Lỗi phần chuyển đổi giao diện theo nhiều chủ đề	Cung cấp nhiều lựa chọn giao diện	Java Programming		Tải các gói giao diện đính kèm

	khách nhau	cho người dùng			
7	Lỗi khi chạy chương trình sử dụng các thư viện sẵn có của hãng thứ 3	Cài đặt cấu hình thư viện	Java Programming		Đặt lại đường dẫn biến môi trường CLASSPATH
8	Lỗi khi cài đặt và tích hợp hệ thống vào cơ sở dữ liệu có sẵn	Phải nâng cấp phiên bản của MS SQL server	Database design and analysis		Dùng phiên bản MS SQL Server 200 SP3

Xác nhận của đơn vị thực tập
(Ký tên và đóng dấu)

Hà Nộingày tháng năm

Học viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	12
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHỌN ĐỀ TÀI.....	13
1) Sự cần thiết và vai trò của việc quản lý khách sạn bằng phần mềm.....	13
1.1) Sự cần thiết của quản lý bằng máy tính.....	13
1.2) Khái niệm và vai trò của phần mềm quản lý.....	13
1.3) Đặc điểm của phần mềm quản lý khách sạn.....	13
2) Các phần mềm quản lý sẵn có.....	13
2.1) Phần mềm miễn phí.....	13
2.2) Phần mềm có phí.....	13
2.3) Phần mềm việt hóa.....	14
3) Những khó khăn khi công ty sử dụng phần mềm sẵn có.....	14
3.1) Chi phí.....	14
3.2) Cá nhân hóa chương trình.....	14
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ TRONG CÔNG TY FISINI.....	14
1) Phân tích thực trạng tình hình quản lý ở công ty.....	14
1.1) Quản lý các chuyến, gói du lịch.....	14
1.2) Quản lý phòng.....	14
1.3) Quản lý dịch vụ đi kèm.....	15
1.4) Quản lý hóa đơn, thống kê báo cáo.....	15
CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ BẰNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ KHÁCH SẠN.....	15
1) Lựa chọn giải pháp và công nghệ.....	15
1.1) Ứng dụng chạy trên máy bàn.....	15
1.2) Công nghệ Java.....	15
1.3) Cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server.....	16
2) Về mặt yêu cầu chức năng của chương trình.....	17
2.1) Chức năng tìm kiếm phòng trống.....	17
2.2) Chức năng tìm kiếm khách hàng.....	17
2.3) Chức năng cập nhật thông tin về khách hàng, đơn hàng.....	17
2.4) Chức điều chỉnh giá phòng, loại phòng, thông tin của phòng.....	17
2.5) Chức năng quản lý người dùng và phân quyền sử dụng.....	17
2.6) Thống kê báo cáo đơn hàng, khách hàng.....	17

2.7) Chức năng báo cáo tài chính.....	
2.8) Cập nhật thông tin và sửa đổi giá các dịch vụ đi kèm.....	
2.9) Tìm kiếm đơn hàng.....	
2.10) Sao lưu, phục hồi dữ liệu.....	
CHƯƠNG IV: PHÂN TÍCH HỆ THỐNG.....	
1) Sơ đồ phân cấp chức năng.....	
2) Sơ đồ luồng dữ liệu.....	
2.1) Sơ đồ luồng mức ngữ cảnh.....	
2.2) Sơ đồ luồng mức đỉnh.....	
2.3) Sơ đồ luồng mức dưới đỉnh.....	
3) Phân tích chức năng cụ thể mức chi tiết.....	
3.1) Mô tả use case đăng nhập.....	
3.2) Mô tả use case tìm kiếm phòng trống.....	
3.2) Mô tả use case lập đơn hàng.....	
3.3) Mô tả use case thêm khách hàng vào đơn hàng và phòng.....	
3.4) Mô tả use case thêm bớt dịch vụ vào đơn hàng.....	
3.4) Mô tả Use cases Chuyển đổi phòng cho khách, đơn hàng.....	
3.5) Mô tả Use cases Thanh toán đơn hàng.....	
3.6) Mô tả Use cases Sửa thông tin khách hàng.....	
3.7) Mô tả Use cases Thống kê.....	
3.8) Mô tả Use cases Quản trị tài khoản.....	
4) Phân tích thực thể.....	
4.1) Thực thể “Phòng” (room).....	
4.2) Thực thể “Đơn đặt phòng” (order).....	
4.3) Thực thể “Khách hàng” (Customers).....	
4.4) Thực thể “Dịch vụ” (services).....	
4.5) Thực thể “Người dùng” (users).....	
5) Thuộc tính thực thể.....	
5.1) Thuộc tính về kiểu thông tin dữ liệu.....	
5.2) Thuộc tính về quan hệ giữa các thực thể.....	
6) Mối quan hệ giữa các thực thể.....	
CHƯƠNG V: THIẾT KẾ HỆ THỐNG.....	
1) Thiết kế dữ liệu.....	

1.1) Bảng phòng (Rooms).....	
1.2) Bảng tài khoản người dùng (Users).....	
1.3) Bảng dịch vụ (Services).....	
1.4) Bảng đơn đặt phòng (Orders).....	
1.5) Bảng khách hàng (Customers).....	
2) Thiết kế chương trình.....	
3) Thiết kế giao diện.....	
CHƯƠNG VI: HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT VÀ SỬ DỤNG.....	
1) Cấu hình hệ thống.....	
2) Hướng dẫn cài đặt.....	
3) Hướng dẫn sử dụng.....	
KẾT LUẬN.....	
LỜI CẢM ƠN.....	
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	

Danh mục các từ viết tắt

CSDL	Cơ sở dữ liệu
QLKS	Quản lý khách sạn
PM QLKS	Phần mềm quản lý khách sạn
CTCP	Công ty cổ phần
MS SQL	Microsoft Structure Query Language
MS SQL SERVER	Máy chủ cơ sở dữ liệu của Microsoft
CMT	Chứng minh thư nhân dân

Danh mục bảng biểu hình vẽ

CHƯƠNG IV	Hình 1	Sơ đồ phân cấp chức năng
CHƯƠNG IV	Hình 2	Sơ đồ luồng chương trình mức ngữ cảnh
CHƯƠNG IV	Hình 3	Sơ đồ luồng chương trình mức đỉnh
CHƯƠNG IV	Hình 4	Sơ đồ luồng quản lý thông tin khách hàng
CHƯƠNG IV	Hình 5	Sơ đồ luồng quản lý thông tin đơn đặt phòng
CHƯƠNG IV	Hình 6	Sơ đồ luồng quản lý phòng
CHƯƠNG IV	Hình 7	Sơ đồ luồng quản lý thông tin dịch vụ
CHƯƠNG IV	Hình 8	Sơ đồ luồng quản lý thông tin người sử dụng
CHƯƠNG IV	Hình 9	Sơ đồ quan hệ thực thể
CHƯƠNG V	Hình 10	Sơ đồ quan hệ của các bản cơ sở dữ liệu
CHƯƠNG V	Hình 11	Biểu đồ thiết kế các lớp
CHƯƠNG V	Hình 12	Giao diện đăng nhập
CHƯƠNG V	Hình 13	Giao diện chính sau khi đăng nhập

CHƯƠNG V	Hình 14	Chọn ngày tìm kiếm phòng trống
CHƯƠNG V	Hình 15	Cập nhật thông tin khách hàn
CHƯƠNG V	Hình 16	Tạo đơn hàng mới
CHƯƠNG V	Hình 17	Cập nhập dịch vụ phòng đang đặt
CHƯƠNG V	Hình 18	Cập nhập thông tin về đơn hàng đăng đặt, chuyển, đổi phòng
CHƯƠNG V	Hình 19	Làm thủ tục trả phòng và thanh toán
CHƯƠNG VI	Hình 20	Chọn file MSI Cài đặt và nhấn đúp chuột
CHƯƠNG VI	Hình 21	Bắt đầu vào giao diện cài, nhấn NEXT
CHƯƠNG VI	Hình 22	Chọn đồng ý thỏa thuận, nhấn NEXT
CHƯƠNG VI	Hình 23	Chọn đường dẫn thư mục cài đặt nhất NEXT
CHƯƠNG VI	Hình 24	Nhấn INSTALL để bắt đầu cài đặt
CHƯƠNG VI	Hình 25	Chờ tiến trình cài đặt hoàn tất

LỜI MỞ ĐẦU

Trong cuộc sống xã hội thông tin ngày nay, việc sử dụng máy tính và phần mềm vào quản lý là nhu cầu tất yếu và xu thế chung của xã hội. Tương tự như vậy khối cơ quan, công ty nhà nước, công ty tư nhân cũng nằm trong xu thế chung đó. Do yêu cầu của tình hình chung, Công ty Cổ phần FISINI là một công ty dịch vụ du lịch đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực tổ chức và quản lý du lịch cho khách hàng trong và ngoài nước. Theo nhu cầu và đặc thù ngành khi công ty mở thêm nghiệp vụ kinh doanh khách sạn PING (<http://pinghotel.vn>), công ty đã nhận thấy được nhu cầu cần thiết của việc thay thế quản lý từ mô hình sổ sách giấy tờ lên mô hình quản lý bằng máy tính. Để đáp ứng nhu cầu đó công ty đã quyết định phát triển một sản phẩm giao diện winform để sử dụng trên máy tính.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHỌN ĐỀ TÀI

1) Sự cần thiết và vai trò của việc quản lý khách sạn bằng phần mềm

1.1) Sự cần thiết của quản lý bằng máy tính

Trong giai đoạn hiện nay, môi trường làm việc bằng máy tính đã tỏ ra rất hiệu quả về việc giảm thiểu những thiếu sót mà môi trường làm việc truyền thống đã thể hiện. Ngoài ra nếu sử dụng máy tính và công nghệ thông tin vào công việc chúng ta còn thấy được một số lợi điểm sau đây:

Quản lý dữ liệu tập trung, lợi ích về việc tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí và giữ gìn vệ sinh môi trường.

Sử dụng một phần mềm chuyên biệt để quản lý một nghiệp vụ nào đó làm cho công việc trở nên đơn giản, dễ dàng và nhanh chóng.

1.2) Khái niệm và vai trò của phần mềm quản lý

Để giải thích thêm khái niệm phần mềm quản lý, ở đây có một định nghĩa về phần mềm quản lý như sau “phần mềm dùng để giải quyết một nhu cầu hay một bài toán quản lý cụ thể nào đó. Nó phải có những tiêu chí cụ thể và giải quyết được nhu cầu thực tế ví dụ như: Có phần giao diện để người dùng thao tác. Có cơ sở dữ liệu tập trung. Có đầy đủ chức năng và thành phần phục vụ yêu cầu nghiệp vụ riêng”.

1.3) Đặc điểm của phần mềm quản lý khách sạn

Quản lý khách sạn là một nghiệp vụ riêng chứa nhiều đặc thù của một đặt lịch, đặt chỗ và lưu trữ tính toán thông tin. Việc giải quyết bài toán đặt phòng là khó nhất, làm sao tìm được phòng, loại phòng và thời điểm phù hợp với yêu cầu của khách hàng mà lại còn tránh xung đột tránh chập về thời gian, tránh lãng phí tài nguyên phòng trống. Ngoài ra liên quan đến phục vụ phòng, phải có cả bảng kê các dịch vụ kèm theo, chi tiết về hoạt động đặt phòng, thông tin về khách. In ấn được các thông tin và phiếu thanh toán.

2) Các phần mềm quản lý sẵn có

2.1) Phần mềm miễn phí

Chủ yếu là các phiên bản dùng thử, giới hạn và chưa đầy đủ chức năng.

Không thể kết nối với cơ sở dữ liệu về chức năng đặt phòng trên website của công ty.

2.2) Phần mềm có phí

Chi phí đắt đỏ, và không cá nhân hóa, hay sửa chữa theo yêu cầu thực tế của công ty được. Chủ yếu trên nền tảng Windows mà không có nền tảng khác (Mac, Linux, Ubuntu).

2.3) Phần mềm việt hóa

Là các phần mềm quản lý khách sạn của nước ngoài, khó cài đặt, triển khai, chưa việt hóa hoàn chỉnh, khó nâng cấp bảo trì và chủ yếu trên nền tảng Windows mà không có nền tảng khác (Mac, Linux, Ubuntu) .

3) Những khó khăn khi công ty sử dụng phần mềm sẵn có

3.1) Chi phí

Đối với việc cân đối giữa chi phí thay thế sử dụng phần mềm vào công việc quản lý của công ty. Việc mua một phần mềm chi phí quá lớn sẽ làm cho chi phí quản lý sử dụng tăng lên, qua tham khảo các phần mềm hiện có thì đa phần là sử dụng bảo trì theo tháng và chi phí tăng lên theo chu kỳ hoạt động.

3.2) Cá nhân hóa chương trình

Việc sử dụng và cài đặt cũng như cá nhân hóa chương trình là khó khăn vì phần mềm sẵn có được thiết kế chung cho nhiều loại hình khách sạn khác nhau. Và không phù hợp với công ty.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ TRONG CÔNG TY FISINI

1) Phân tích thực trạng tình hình quản lý ở công ty

1.1) Quản lý các chuyến, gói du lịch

Quản lý chủ yếu dựa trên nền web tích hợp sẵn trong website giới thiệu du lịch và chưa kết nối được cơ sở dữ liệu với máy để bàn.

1.2) Quản lý phòng

Chỉ có chức năng đăng ký đặt phòng trên trang chủ và không có các chức năng khác, các chức năng còn lại đều sử dụng sổ sách truyền thống trên bộ soạn thảo văn bản và lịch để bàn để kiểm tra phòng đặt, ghi chú tất cả vào lịch để bàn nên rất bất tiện khi tìm kiếm phòng trống và kiểm tra phòng .

Dữ liệu thông tin về phòng đã đặt để không tập trung, sử dụng cách chia sẻ tài liệu văn bản vì thế mà không có tính đồng bộ.

Khi nhân viên có nhu cầu cập nhật thông tin dữ liệu thì phải đợi nhân viên khác lưu xong dữ liệu hoặc kết thúc việc nhập liệu vào tài liệu văn bản bảng tính chung rồi mới dùng được.

1.3) Quản lý dịch vụ đi kèm

Sử dụng sổ sách giấy để ghi chú thông tin khách hàng, thông tin các dịch vụ đi kèm trong quá trình lưu trú và đặt phòng của khách sạn

Không theo dõi trạng thái của các dịch vụ đi kèm được và việc cập nhật giá cho dịch vụ hoàn toàn nhập bằng tay, nên cũng sẽ thiếu tính đồng bộ, thống nhất.

1.4) Quản lý hóa đơn, thống kê báo cáo

Đều sử dụng hóa đơn giấy, báo cáo in bằng tài liệu văn bản.

CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ BẰNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ KHÁCH SẠN

1) Lựa chọn giải pháp và công nghệ

1.1) Ứng dụng chạy trên máy bàn

Với những vấn đề nêu trên, công ty quyết định lựa chọn phần mềm quản lý khách sạn để sử dụng cho máy bàn và cá nhân hóa theo yêu cầu cũng như mô hình của công ty.

Việc sử dụng ứng dụng chạy trên máy bàn, máy trạm cũng giúp cho công ty vận hành quy trình quản lý đặt phòng đơn giản hơn, ổn định hơn việc sử dụng qua internet. Khi có sự cố về đường truyền internet thì các ứng dụng vẫn có thể chạy được trong mạng nội bộ vì máy chủ dữ liệu được triển khai trong cùng hệ thống mạng.

Dữ liệu tập trung tại máy chủ dữ liệu, toàn bộ dữ liệu về thông tin phòng, giá phòng, hay giá dịch vụ cũng như thông tin về khách hàng, lịch trình khách hàng, thời gian lưu trú, và số lượng phòng đặt đều được lưu trữ tập trung trong máy chủ.

Việc cập nhật thông tin về phòng, khách hàng, hay đơn hàng, dịch vụ kèm theo đều được đồng bộ hóa đơn giản, khi có bất kì một máy nhân viên nào thực hiện cập nhật, thì các máy nhân viên khác đều thấy được tình trạng đã cập nhật.

1.2) Công nghệ Java

Như đã nói ở trên, việc sử dụng phần mềm trên nhiều nền tảng sẽ có tính linh hoạt và chủ động hơn trong việc có thể cá nhân hóa sản phẩm theo yêu cầu. Để làm được việc này thì khi sử dụng công nghệ Java ta sẽ thấy được những lợi thế hơn hẳn sau:

Tính đa nền tảng : với một chương trình viết bằng Java ta có thể chạy được trên các máy trạm có hệ điều hành khác nhau như : Windows, Linux, Ubuntu, Mac

Tính bảo mật: đối với các sản phẩm làm từ Java gần như không có khái niệm bị virus hay là phần mềm do thám, đính kèm ... Các cơ chế bảo mật cũng giúp tăng mức độ an toàn và phân quyền sử dụng trên cơ sở chức năng và vai trò người dùng.

Tính mở: Công nghệ Java được sử dụng theo hướng mã mở, các module đều được viết rất linh hoạt và khả chuyển, sau này giúp công ty dễ dàng phát triển và mở rộng chức năng mới một cách rất đơn giản.

Tính tiết kiệm: Cấu hình máy trạm không cần phải quá mạnh để có thể chạy được ứng dụng của Java.

Cài đặt đơn giản: Ứng dụng viết bằng Java có thể sao chép hoặc chuyển qua các máy rồi chạy mà không cần phải cài đặt.

1.3) Cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server

So sánh với yêu cầu thực tế sử dụng cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server sẽ hỗ trợ kết nối với trang chủ quản lý du lịch của công ty, cũng như những lợi thế mà một máy chủ sử dụng và cài đặt ms sql server mang lại. Nên yêu cầu một máy chủ cài đặt MS SQL Server cần thiết cho việc sử dụng và phát triển của sản phẩm.

Tính ổn định và giao diện trực quan của máy chủ sử dụng MS SQL Server cũng là yêu cầu ảnh hưởng đến việc lựa chọn máy chủ dữ liệu.

Các tiện ích khác mang lại từ hệ quản trị CSDL MS SQL Server như sao lưu, phục hồi dữ liệu tự động. Quản lý kết nối chia sẻ tài nguyên, hay tối ưu hóa và nén dữ liệu cũng là những tiêu chí được chọn sử dụng.

Cung cấp các hàm tính toán tiện ích nhằm tối ưu hóa việc thực thi quản lý dữ liệu.

Tính khả chuyển và mở rộng đơn giản giúp quản lý dữ liệu đơn giản đến phức tạp hàng triệu bản ghi.

Tính bảo mật được áp dụng cho đến từng bảng hoặc từng bản ghi dữ liệu cơ chế phân quyền truy cập rõ ràng đến từng hàm tính toán hoặc đến từng dòng dữ liệu có thể trả về trong câu truy vấn.

Ghi lại thông tin về tất cả những thay đổi trong quá trình sử dụng dữ liệu, mỗi khi có thêm, bớt, sửa, xóa hay có thể khôi phục lại toàn bộ tiến trình nếu có lỗi xảy ra.

Tự động sao lưu dữ liệu theo chu kỳ, hay đặt lịch chỉ định ghi bản sao lưu dữ liệu ra ổ đĩa khác hoặc ổ đĩa mở rộng.

2) Về mặt yêu cầu chức năng của chương trình

2.1) Chức năng tìm kiếm phòng trống

Tìm phòng theo tên

Tìm phòng theo loại phòng

Tìm phòng theo giá phòng

2.2) Chức năng tìm kiếm khách hàng

Tìm khách hàng theo tên

Tìm khách hàng theo đơn hàng

2.3) Chức năng cập nhật thông tin về khách hàng, đơn hàng

Thêm, bớt, sửa, xóa thông tin khách hàng

Thêm, bớt, sửa, xóa đơn hàng

Cập nhật phòng cho đơn hàng đặt trước

2.4) Chức điều chỉnh giá phòng, loại phòng, thông tin của phòng

Sửa đổi giá phòng

Sửa đổi thông tin về phòng

Sử đổi nâng cấp loại phòng

2.5) Chức năng quản lý người dùng và phân quyền sử dụng

Thêm người dùng, cập nhật thông tin người dùng

Sửa đổi quyền hạn của người dùng

Cho phép người dùng có quyền tự cập nhật thông tin và đổi thông tin mật khẩu

2.6) Thống kê báo cáo đơn hàng, khách hàng

Thống kê trên giao diện

2.7) Chức năng báo cáo tài chính

Thống kê trên giao diện

2.8) Cập nhật thông tin và sửa đổi giá các dịch vụ đi kèm

Thêm, bớt, sửa, xóa các dịch vụ đi kèm : Giặt là, điện thoại, taxi, đồ ăn, nước uống

2.9) Tìm kiếm đơn hàng

Tìm đơn hàng theo tên khách

Tìm đơn hàng theo ngày

Tìm đơn hàng theo phòng

2.10) Sao lưu, phục hồi dữ liệu

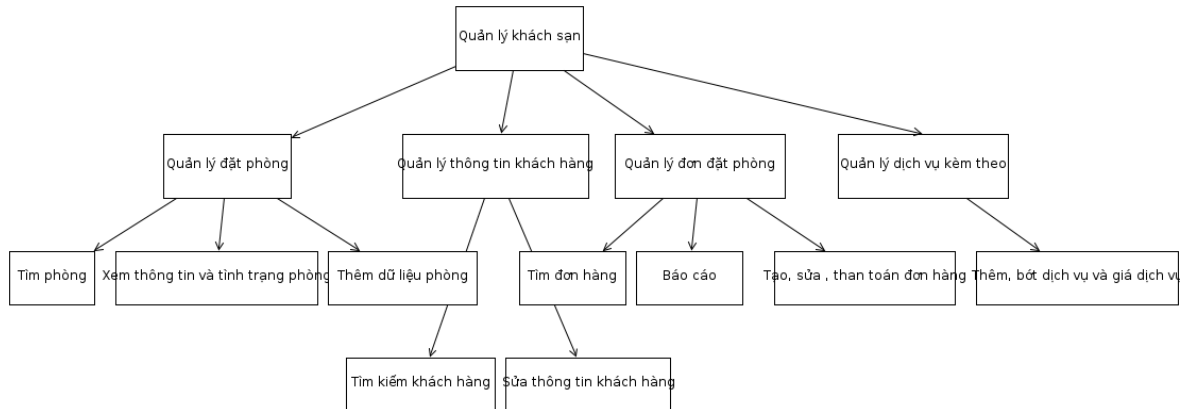
Sao lưu toàn bộ cơ sở dữ liệu ra tệp

Phục hồi dữ liệu từ tệp

CHƯƠNG IV: PHÂN TÍCH HỆ THỐNG

1) Sơ đồ phân cấp chức năng

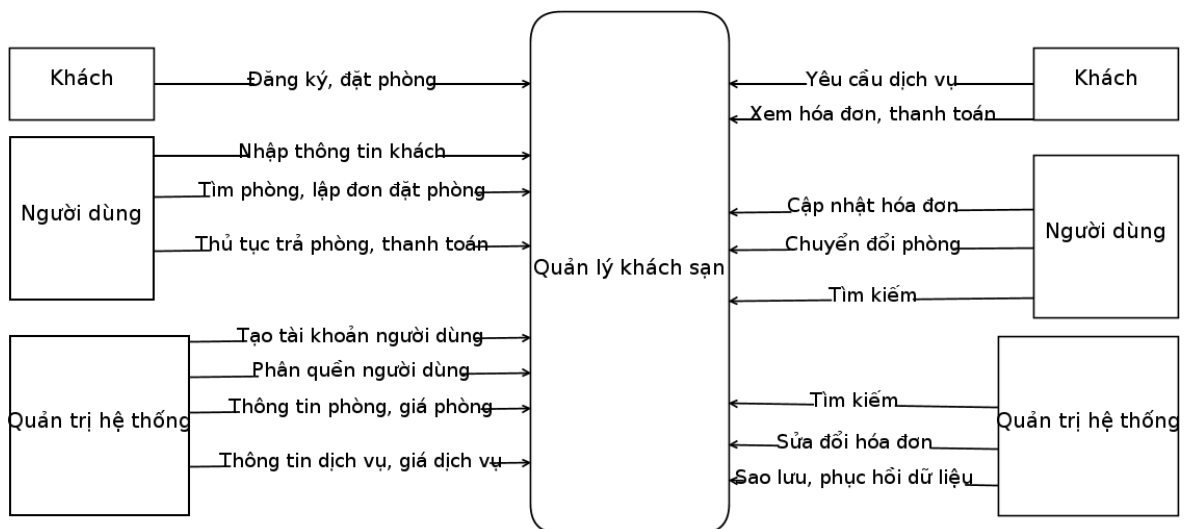
Dựa vào những đánh giá và tìm hiểu ở trên em đã tìm ra được sơ đồ phân cấp chức năng cần có của một hệ thống quản lý khách sạn theo sơ đồ dưới đây:



Hình 1: Sơ đồ phân cấp chức năng

2) Sơ đồ luồng dữ liệu

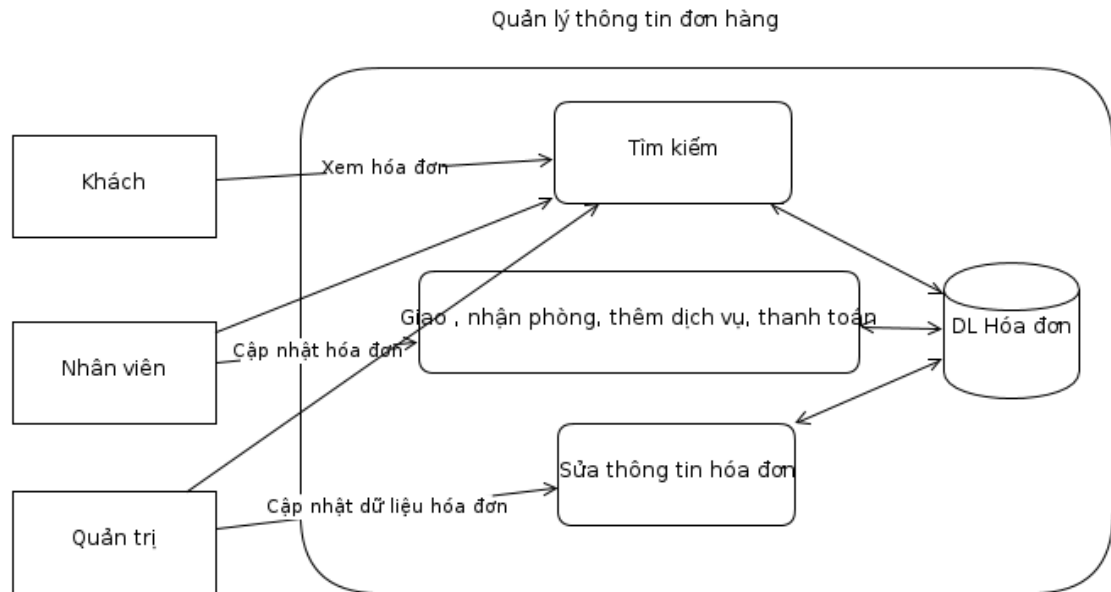
2.1) Sơ đồ luồng mức ngữ cảnh



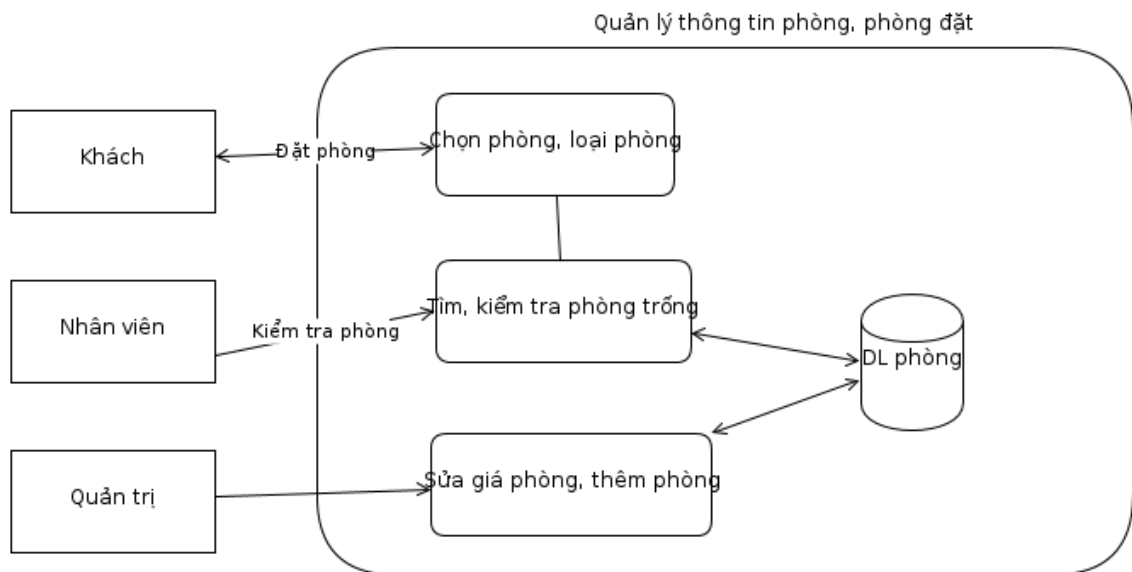
Hình 2: Sơ đồ luồng chương trình mức ngữ cảnh

2.2) Sơ đồ luồng mức đỉnh

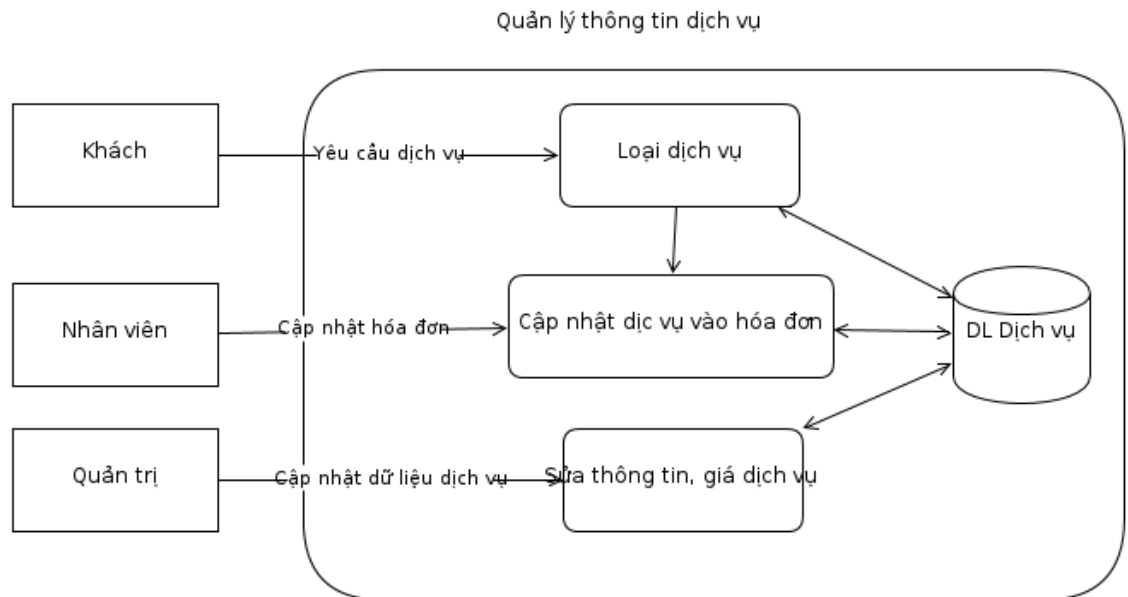
Hình 4: Sơ đồ luồng quản lý thông tin khách hàng



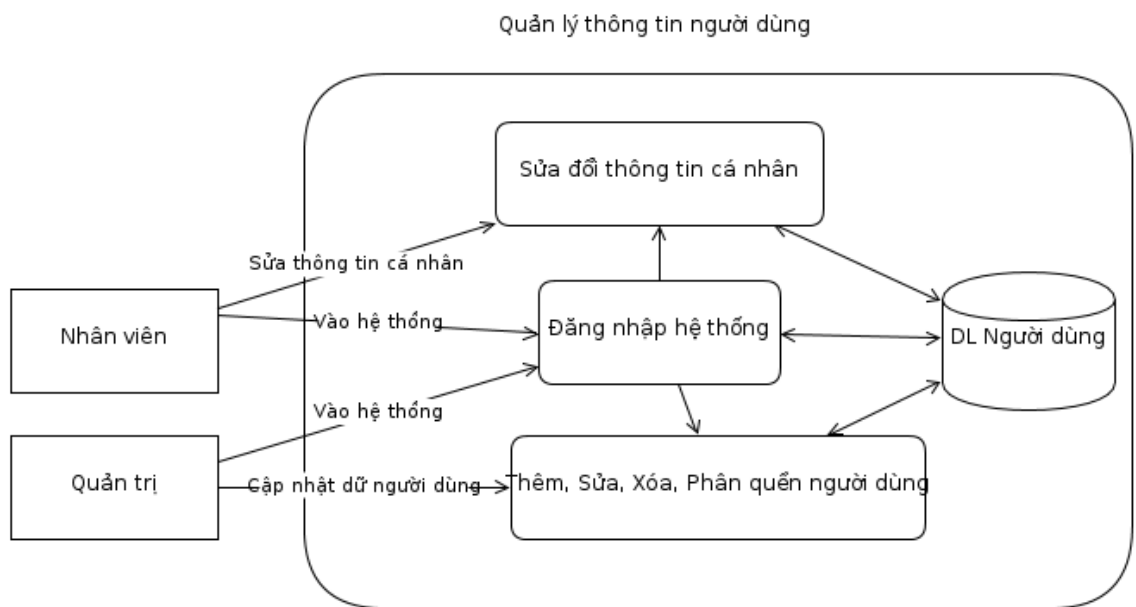
Hình 5: Sơ đồ luồng quản lý thông tin đơn đặt phòng



Hình 6: Sơ đồ luồng quản lý phòng



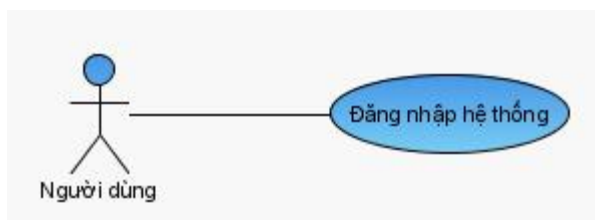
Hình 7: Sơ đồ luồng quản lý thông tin về dịch vụ



Hình 8: Sơ đồ luồng quản lý thông tin người dùng hệ thống

3) Phân tích chức năng cụ thể mức chi tiết

3.1) Mô tả use case đăng nhập



Mô tả use case

Tác nhân: Người sử dụng hệ thống, nhà quản trị.

Điều kiện thực hiện: Tác nhân có nhu cầu đăng nhập hệ thống để làm việc.

Tiền điều kiện: Người đăng nhập phải có tên và mật khẩu

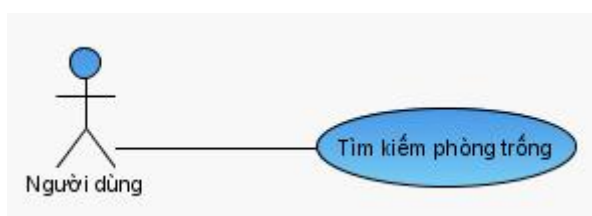
Hậu điều kiện: Hệ thống sẽ được mở khi đăng nhập thành công.

Các luồng sự kiện

Bước	Tác nhân tương tác	Hoạt động hệ thống	Module thực hiện
Bắt đầu	Tác nhân bắt đầu chạy chương trình		
1		Hiện ra form đăng nhập hệ thống	
1.1		Tên đăng nhập: để trống	
1.2		Mật khẩu: để trống	
2	Tác nhân nhập tên và mật khẩu		
2.1	Tác nhân nhấn nút đăng nhập hoặc enter từ bàn phím		
3			Module kiểm tra tên và mật khẩu Module kiểm tra quyền hạn và chức năng của người đăng nhập hệ thống

4		Nếu tên và password có trong CSDL Hệ thống chuyển tới ứng dụng quản lý với các chức năng tương ứng với quyền đăng nhập của tác nhân
5		Nếu tên hoặc password không đúng, hệ thống thực hiện các bước sau:
5.1		Hiển thị lại form_login
5.2		Nếu nhập tên hoặc mật khẩu 3 không đúng, hệ thống sẽ thoát
	Kết thúc use case	

3.2) Mô tả use case tìm kiếm phòng trống



Mô tả use case

Tác nhân: Người sử dụng hệ thống.

Điều kiện thực hiện: Tác nhân có nhu cầu tìm được phòng trống trong khoảng thời gian xác định.

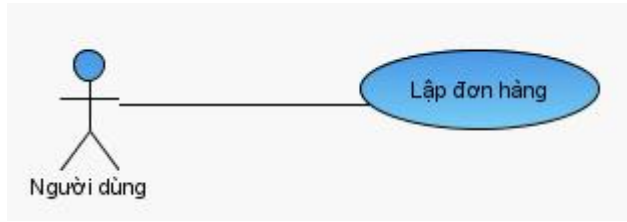
Tiền điều kiện: Tác nhân phải cung cấp cho hệ thống hai thông tin quan trọng đó là ngày bắt đầu và ngày kết thúc của khách.

Hậu điều kiện: Hệ thống hiển thị các phòng trống trong khoảng thời gian đã chọn trước đó.

Các luồng sự kiện

Bước	Tác nhân tương tác	Hoạt động hệ thống	Module thực hiện
Bắt đầu	Tác nhân chọn chức năng tìm kiếm phòng		
1		Hiển thị panel đặt phòng	
1.1		TextField cho phép tác nhân nhập (chọn) ngày bắt đầu	
1.2		TextField cho phép tác nhân nhập (chọn) ngày kết thúc	
1.3		ComboBox cho phép chọn loại phòng (nếu cần)	
2	Tác nhân nhấn nút xác nhận hành động tìm kiếm		
2.1			Module tìm kiếm trong CSDL tìm các bản ghi tương ứng
2.2		Hiển thị form kết quả tìm kiếm	
2.3		Tên phòng	
2.4		Giá phòng	
2.5		Hộp kiểm	
	Kết thúc use case		

3.2) Mô tả use case lập đơn hàng



Mô tả use case

Tác nhân: Người sử dụng hệ thống.

Điều kiện thực hiện: Tác nhân có nhu cầu tạo một đơn đặt hàng.

Tiền điều kiện: Khi đã tìm được phòng, số phòng phù hợp với yêu cầu.

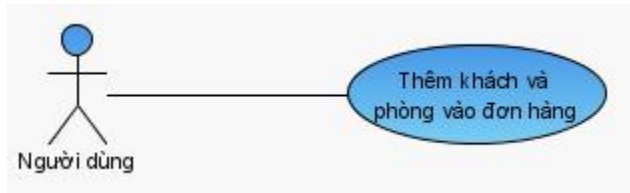
Hậu điều kiện: Tạo được một đơn hàng.

Các luồng sự kiện

Bước	Tác nhân tương tác	Hoạt động hệ thống	Module thực hiện
Bắt đầu	Tác nhân sau khi tìm được phòng và chọn vào dấu kiểm ở kết quả tìm kiếm		
1		Hiển thị form tạo đơn hàng	
1.1		TextArea cho phép tác nhân nhập ghi chú cho đơn hàng.	
1.2		Các TextField, ComboBox cho phép tác nhân nhập thông tin của người đặt hàng	
2	Tác nhân chọn nút tạo mới		
2.1			Module nhập mới khách hàng
2.2			Module tạo mới

			đơn hàng
	Kết thúc use case		

3.3) Mô tả use case thêm khách hàng vào đơn hàng và phòng



Mô tả use case

Tác nhân: Người sử dụng hệ thống.

Điều kiện thực hiện: Tác nhân có nhu cầu nhập thêm khách đi cùng đoàn (khi khách đi theo nhóm) và sẽ xếp phòng cho khách.

Tiền điều kiện: Tác nhân phải chọn đơn hàng cần thêm

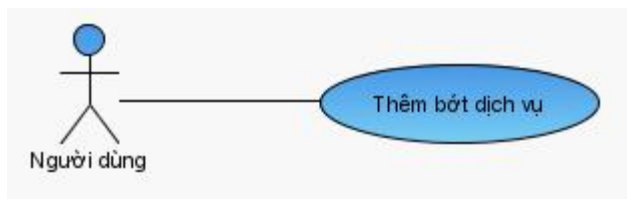
Hậu điều kiện: Hệ thống sẽ nhập thêm khách vào dữ liệu và đơn hàng.

Các luồng sự kiện

Bước	Tác nhân tương tác	Hoạt động hệ thống	Module thực hiện
Bắt đầu	Tác nhân chọn chức năng thêm khách vào đơn hàng		
1		Hiển thị Form thêm khách hàng	
1.1		Các TextField, ComboBox cho phép tác nhân nhập thông tin của người đi cùng	
1.2		ComboBox cho phép tác nhân chọn phòng cho khách	
2	Tác nhân chọn nút thêm		
2.1			Module nhập mới

			khách hàng
2.2			Module thêm khách vào đơn hàng
2.3			Module xếp khách vào phòng
	Kết thúc use case		

3.4) Mô tả use case thêm bớt dịch vụ vào đơn hàng



Mô tả use case

Tác nhân: Người sử dụng hệ thống.

Điều kiện thực hiện: Tác nhân có nhu cầu thêm dịch vụ vào một đơn hàng

Tiền điều kiện: Tác nhân phải chọn một đơn hàng cần thêm.

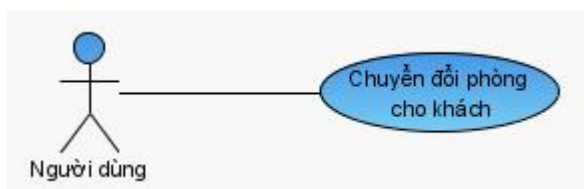
Hậu điều kiện: Thêm, bớt dịch vụ của đơn hàng và ghi lại được là dịch vụ này phục vụ cho phòng nào ? khách nào ? hoặc cho cả nhóm.

Các luồng sự kiện

Bước	Tác nhân tương tác	Hoạt động hệ thống	Module thực hiện
Bắt đầu	Tác nhân chọn chức năng thêm dịch vụ		
1		Hiển thị form thêm dịch vụ	
1.1		Danh sách dịch vụ sẵn có của mình	
1.2		Danh sách dịch vụ đã có của đơn hàng	

2	Tác nhân chọn dịch vụ để thêm và nhấn vào nút thêm		
2.1			Module lưu thông tin về đơn hàng vào CSDL
3	Tác nhân chọn dịch vụ đã có của đơn hàng và nhấn nút bớt		
3.1			Module lưu thông tin về đơn hàng vào CSDL
	Kết thúc Use Case		

3.4) Mô tả Use cases Chuyển đổi phòng cho khách, đơn hàng



Mô tả use case

Tác nhân: Người sử dụng hệ thống.

Điều kiện thực hiện: Tác nhân có nhu cầu chuyển hoặc đổi phòng cho khách, đơn hàng.

Tiền điều kiện: Tác nhân phải chọn một đơn hàng cần chuyển đổi.

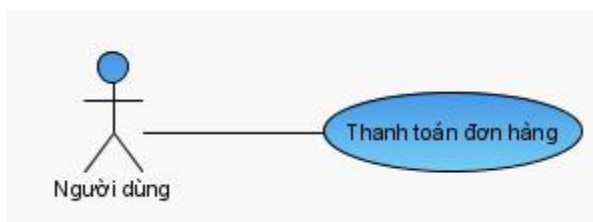
Hậu điều kiện: Cập nhật được thông tin vào đơn hàng.

Các luồng sự kiện

Bước	Tác nhân tương tác	Hoạt động hệ thống	Module thực hiện
Bắt đầu	Tác nhân chọn chức năng chuyển, đổi phòng		

1		Hiển thị form chuyển đổi phòng	
1.1		Danh sách phòng đang có của đơn hàng	
2	Tác nhân chọn phòng cần chuyển đổi		
2.1		Hiện danh sách phòng có thể chuyển đổi	
3	Tác nhân chọn phòng có thể chuyển đổi và nhấn nút đổi		
3.1			Module đổi phòng
4	Tác nhân chọn phòng có thể chuyển đổi và nhấn nút chuyển		
4.1			Module chuyển phòng
	Kết thúc Use Case		

3.5) Mô tả Use cases Thanh toán đơn hàng



Mô tả use case

Tác nhân: Người sử dụng hệ thống.

Điều kiện thực hiện: Tác nhân có nhu cầu chuyển hoặc đổi phòng cho khách, đơn hàng.

Tiền điều kiện: Tác nhân phải chọn một đơn hàng cần thanh toán.

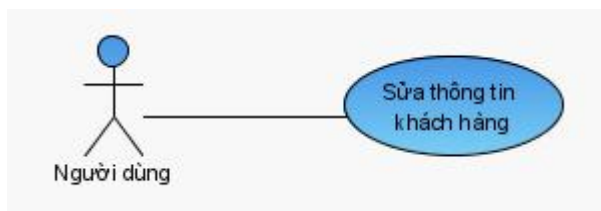
Hậu điều kiện: Đơn hàng đã được thanh toán một phần hoặc tất cả.

Các luồng sự kiện

Bước	Tác nhân tương tác	Hoạt động hệ thống	Module thực hiện
Bắt đầu	Tác nhân chọn chức năng thanh toán		
1		Hiển thị form chọn phòng để trả	
1.1		Danh sách phòng đang có của đơn hàng	
1.2		Danh sách các dịch vụ mà cả đoàn đã dùng(nếu đi theo đoàn)	
2	Tác nhân chọn một hoặc nhiều, hoặc tất cả phòng		
3	Tác nhân có thể chọn là trả trước thời hạn nếu cần		
4	Tác nhân nhấn vào nút thực hiện		
4.1		Danh sách phòng đã chọn để trả	
5	Tác nhân nhấn vào danh sách phòng		
5.1		Hiện danh sách các dịch vụ mà phòng đó gọi	
6	Tác nhân nhấn vào nút trả phòng		

6.1			Module chuyển ngày kết thúc của các phòng đã chọn và lật trạng thái phòng
6.2			Module cập nhật thông tin cho đơn hàng
	Kết thúc Use Case		

3.6) Mô tả Use cases Sửa thông tin khách hàng



Mô tả use case

Tác nhân: Người sử dụng hệ thống.

Điều kiện thực hiện: Tác nhân có nhu sửa đổi thông tin khách hàng.

Tiền điều kiện: Tác nhân phải chọn một khách hàng cần sửa đổi.

Hậu điều kiện: Thông tin về khách hàng đã được sửa đổi.

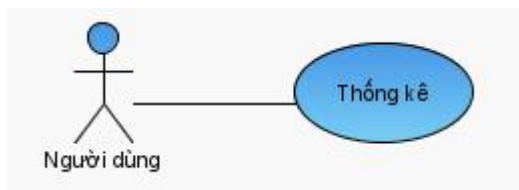
Các luồng sự kiện

Bước	Tác nhân tương tác	Hoạt động hệ thống	Module thực hiện
Bắt đầu	Tác nhân chọn chức năng sửa thông tin khách hàng		
1		Hiển thị danh sách khách hàng hiện có	
1.2		ComboBox để lọc khách hàng theo kiểu đặt hàng	

1.3		CheckBox để phân loại khách hàng theo giới tính	
1.4		Các TextFeild và TextArea để tác nhân nhập thông tin về khách hàng	
2	Tác nhân gõ họ và tên khách vào ô họ tên hoặc nhấn vào dấu kiểm phân biệt giới tính, chọn danh sách khách hàng theo loại		
2.1			Module tìm kiếm khách hàng theo tên
2.2		Danh sách khách hàng đã lọc theo tên	
3	Tác nhân nhấn danh sách khách hàng		
5.1		Khách hàng nào được chọn sẽ tự điền thông tin vào các Các TextFeild và TextArea	
6	Tác nhân sửa thông tin và nhấn vào nút sửa		
6.1			Module cập nhật danh sách khách hàng
7	Tác nhân nhập mới và nhấn vào nút nhập mới		Module cập nhật thông tin cho đơn hàng

7.1			Module thêm khách hàng vào CSDL
	Kết thúc Use Case		

3.7) Mô tả Use cases Thống kê



Mô tả use case

Tác nhân: Người sử dụng hệ thống.

Điều kiện thực hiện: Tác nhân có nhu cầu xem thống kê báo cáo của hệ thống.

Tiền điều kiện: Không có.

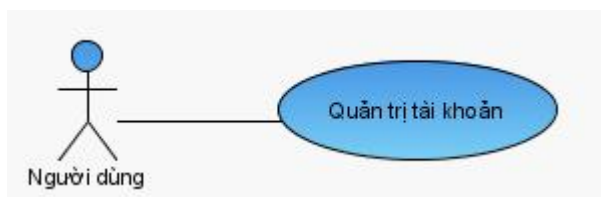
Hậu điều kiện: Thông tin về hệ thống.

Các luồng sự kiện

Bước	Tác nhân tương tác	Hoạt động hệ thống	Module thực hiện
Bắt đầu	Tác nhân chọn xem thông tin về thống kê báo cáo		
1		Hiển thị form xem thống kê báo cáo	
1.1		Thống kê về phòng (tổng số phòng, loại phòng)	
1.2		Thống kê về dịch vụ (tổng số dịch vụ, loại dịch vụ)	

1.3		Thống kê về đơn hàng (tổng số, chưa thanh toán, đã thanh toán, thanh toán một phần-tính đến thời điểm xem)	
1.4		Thống kê về khách hàng	
	Kết thúc Uses case		

3.8) Mô tả Use cases Quản trị tài khoản



Mô tả use case

Tác nhân: Người quản trị hệ thống.

Điều kiện thực hiện: Tác nhân có nhu nhập thêm người dùng.

Tiền điều kiện: Không có.

Hậu điều kiện: Tạo ra các tài khoản mới để sử dụng hệ thống.

Các luồng sự kiện

Bước	Tác nhân tương tác	Hoạt động hệ thống	Module thực hiện
Bắt đầu	Tác nhân chọn phần quản trị tài khoản		
1		Hiện danh sách tài khoản	
1.1		Tạo mới tài khoản	
1.2		Cập nhật thông tin tài khoản của người dùng cũ	

1.3		Phản quên, thay đổi quên của một người dùng cũ	
	Kết thúc Uses case		

4) Phân tích thực thể

Từ việc phân tích chức năng và chức năng chi tiết ta có thể xây dựng được thiết kế chi tiết các thực thể dưới đây:

4.1) Thực thể “Phòng” (room)

Phòng
<ul style="list-style-type: none"> + Số phòng + Thông tin về tầng + Loại phòng: đơn, đôi, bình dân, cao cấp + Thông chi tiết về vật dụng trong phòng

4.2) Thực thể “Đơn đặt phòng” (order)

Đơn đặt phòng

- + Người đại diện đặt phòng
- + Loại đặt : cá nhân - nhóm
- + Loại phòng khách chọn
- + Lượng người ở
- + Lượng phòng đặt
- + Ngày đặt phòng
- + Ngày đến ở
- + Ngày trả phòng
- + Tiền đặt cọc
- + Các dịch vụ sử dụng kèm theo
- + Thông tin về khuyến mại giảm giá

4.3) Thực thể “Khách hàng” (Customers)

Khách hàng
+ Họ và tên khách + Quốc tịch + Giới tính + Tuổi + Số CMT + Số VISA + Kèm trẻ em + Địa chỉ + Điện thoại + Thư điện tử

4.4) Thực thể “Dịch vụ” (services)

Dịch vụ
+ Tên dịch vụ sử dụng: điện thoại, taxi, giặt là, đồ uống, đồ ăn + Giá thành của dịch vụ + Loại dịch vụ + Ghi chú thêm

4.5) Thực thể “Người dùng” (users)

Người dùng
+ Tên đăng nhập
+ Mật khẩu
+ Vai trò , quyền hạn
+ Họ và tên
+ Tuổi
+ Giới tính
+Thư điện tử
+ Điện thoại
+ Địa chỉ
+ Hình đại diện

5) Thuộc tính thực thể

5.1) Thuộc tính về kiểu thông tin dữ liệu

Kiểu số: Dùng cho số CMT, số VISA, số điện thoại, số lượng phòng, số lượng khách, số lượng dịch vụ mà khách hàng sử dụng cũng như dùng để tính toán tổng số tiền khách hàng phải trả khi làm thủ tục trả phòng.

Kiểu chuỗi: Dùng lưu thông tin về họ và tên, địa chỉ, thư điện tử, ghi chú hay mô tả chi tiết về phòng, về đơn đặt phòng, dịch vụ, cũng như lưu thông tin về tài khoản đăng nhập.

Kiểu ngày tháng: Sử dụng để lưu trữ thông tin về ngày đến, ngày đi, ngày lưu trú, ngày đặt phòng, ngày tháng năm sinh.

Kiểu dữ liệu số: Lưu trữ ảnh đại diện hay mã hóa mật khẩu người dùng.

5.2) Thuộc tính về quan hệ giữa các thực thể

Quan hệ Một – Một: Dùng để mô tả quan hệ của thực thể với tham chiếu 1-1, ví dụ như quan hệ của dịch vụ khách hàng sử dụng với loại dịch vụ như mô tả dưới đây:

Coca thuộc loại đồ uống

Giặt áo sơ mi thuộc loại dịch vụ giặt là

Taxi đi ra bờ hồ thuộc loại dịch vụ giao thông

Một người dùng có một vai trò duy nhất là quản trị hay người dùng thông thường

Một phòng khi đặt thì tham chiếu đến một đơn đặt phòng duy nhất

Quan hệ Một – Nhiều: Dùng để mô tả mối quan hệ một thực thể có nhiều quan hệ với nhiều thực thể khác ví dụ:

Một khách hàng có thể đặt nhiều phòng

Một phòng có thể cho nhiều khách hàng ở

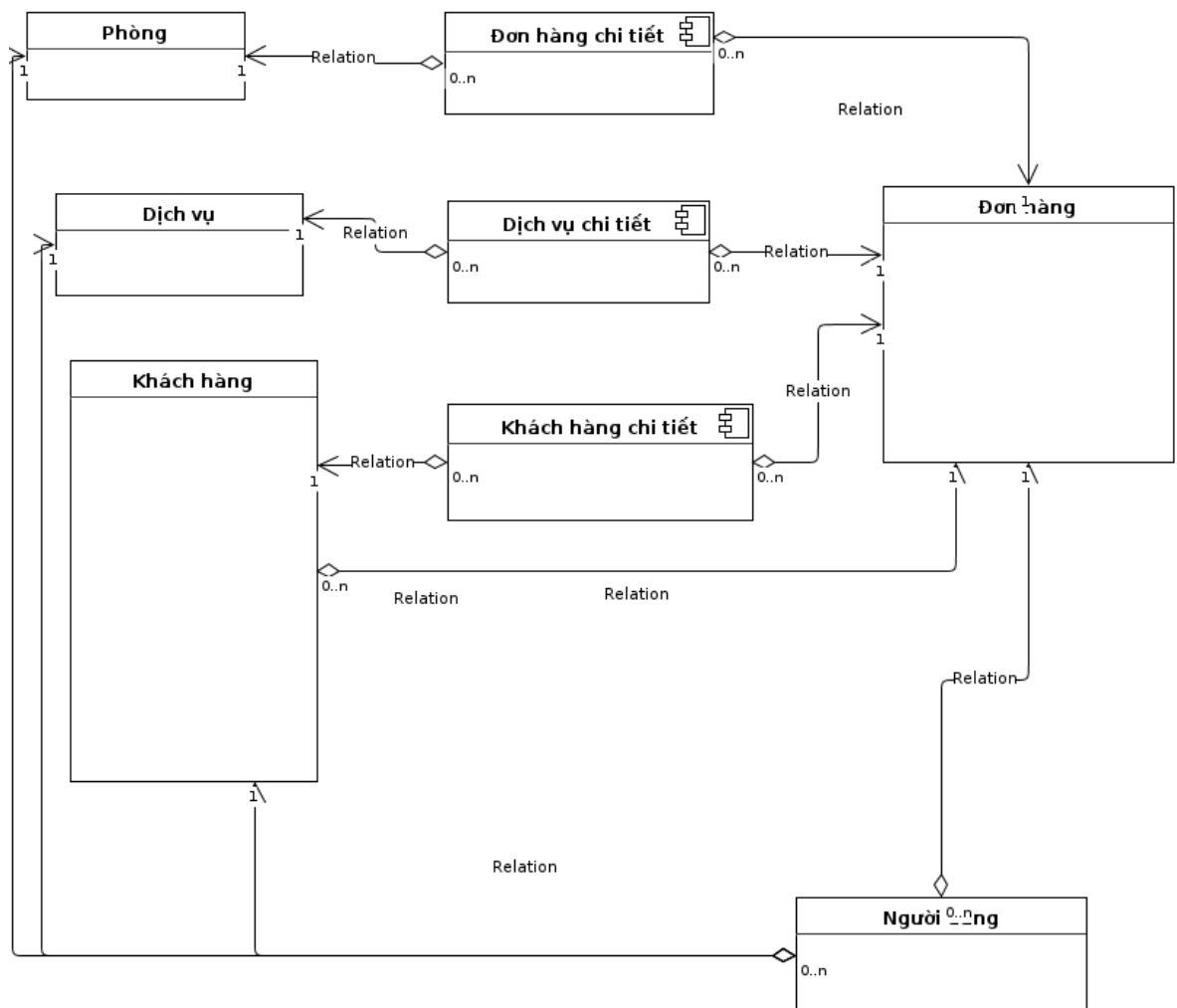
Một đơn hàng có tham chiếu thông tin về nhiều khách hàng

Một đơn hàng có tham chiếu đến nhiều phòng

6) Mối quan hệ giữa các thực thể

Từ những phân tích đánh giá trên ta thiết kế sơ đồ mối quan hệ giữa các thực thể theo mô hình dưới đây:

Ở đây đối với quan hệ thực thể Một – Nhiều – Một chúng ta phải sử dụng các thực thể trung gian để mô tả mối quan hệ ví dụ như : Đơn hàng chi tiết, Dịch vụ chi tiết, Khách hàng chi tiết.



Hình 9: Sơ đồ quan hệ các thực thể

CHƯƠNG V: THIẾT KẾ HỆ THỐNG

1) Thiết kế dữ liệu

Từ những phân tích thực thể, kiểu dữ liệu cần thiết cũng như mối quan hệ giữa các thực thể bên trên ta có thiết kế chi tiết về bảng cơ sở dữ liệu như sau:

1.1) Bảng phòng (Rooms)

rooms				
Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Ràng buộc	Ghi chú
RoomId	Int	4	Khóa chính	Không được trống, Tự tăng
RoomNumb	Nvarchar	50		Tên phòng, Không được trống
Type	Int	4	Khóa ngoại	Mã kiểu phòng, Không được trống
Detail	Ntext	16		Chi tiết
Check_Row	Bit	1		Trạng thái kiểm, Giá trị mặc định =0

1.2) Bảng tài khoản người dùng (Users)

Users				
Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Ràng buộc	Ghi chú
ID	Int	4	Khóa chính	Không được trống, Tự tăng

UserName	Nvarchar	30		Không được trống
PassWord	Nvarchar	50		Không được trống
FirstName	Nvarchar	50		Họ
LastName	Nvarchar	50		Tên
Birthday	Datetime	8		Ngày sinh
Address	Ntext	16		Địa chỉ
City	Nvarchar	250		Thành phố
Country	Nvarchar	50		Quốc gia
Email	Nvarchar	50		Hộp thư
Mobile	Nvarchar	50		Số di động
HomePhone	Nvarchar	50		Điện thoại nhà riêng
Image	Image	16		Ảnh đại diện
UserTypeId	Int	4	Khóa ngoại	Phân loại,quyền

1.3) Bảng dịch vụ (Services)

services				
Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Ràng buộc	Ghi chú
ServicesId	Int	4	Khóa chính	Không được trống, Tự tăng
Name	Nvarchar	250		Tên dịch vụ, Không được trống

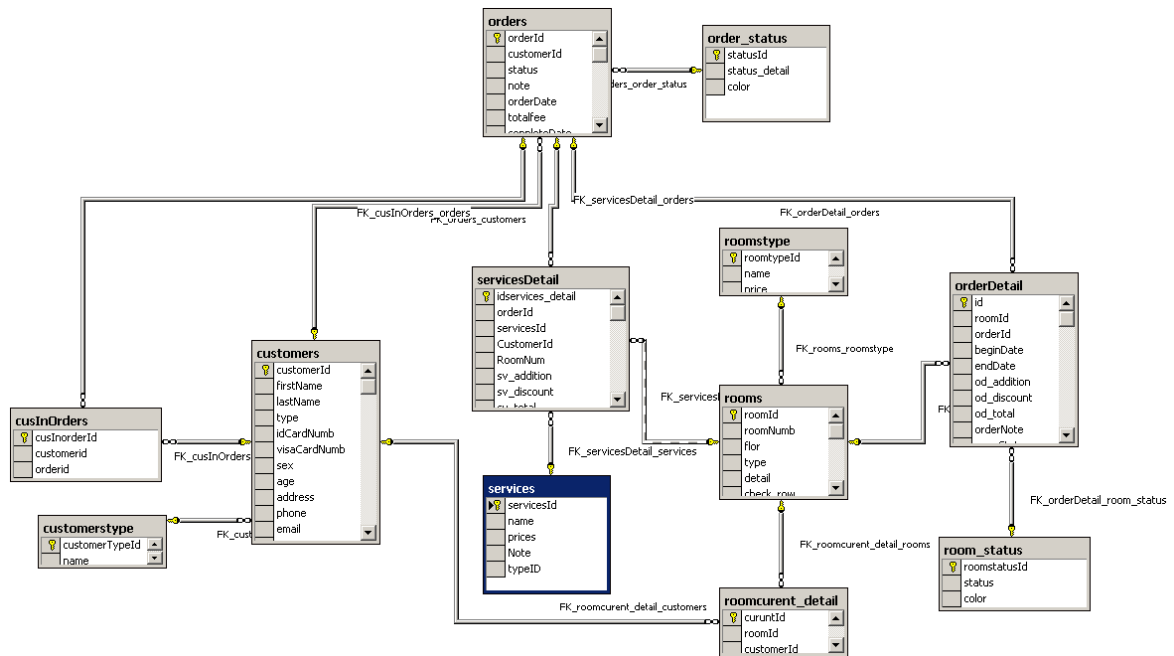
Prices	Decimal	9		Giá dịch vụ, Không được trống
Note	Ntext	16		Ghi chú
TypeID	Int	4	Khóa ngoại	Mã loại dịch vụ, Không được trống

1.4) Bảng đơn đặt phòng (Orders)

orders				
Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Ràng buộc	Ghi chú
OrderId	Int	4	Khóa chính	Không được trống, Tự tăng
CustomerID	Int	4	Khóa ngoại	Không được trống
Status	Int	4	Khóa ngoại	Không được trống
Note	Ntext	16		
OrderDate	DateTime	8		Không được trống
CompleteDate	DateTime	8		
Discount	Int	4		Giá trị khởi tạo =0
Addition	Int	4		Giá trị khởi tạo =0
TotalFee	Decimal	9		Giá trị khởi tạo =0

1.5) Bảng khách hàng (Customers)

customers				
Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Ràng buộc	Ghi chú
CustomerId	Int	4	Khóa chính	Không được trống, Tự tăng
FirstName	Nvarchar	50		Không được trống
LastName	Nvarchar	50		Không được trống
Type	Int	4	Khóa ngoại	
IdCardNumb	Nvarchar	50		Số chứng minh thư
visaCardNumb	Nvarchar	50		Số visa, hộ chiếu
Sex	Nvarchar	50		Giới tính
Age	Nvarchar	50		Tuổi
Address	Ntext	16		Địa chỉ
Phone	Nvarchar	50		Điện thoại
Email	Nvarchar	50		Hộp thư
Country	Nvarchar	250		Quốc tịch



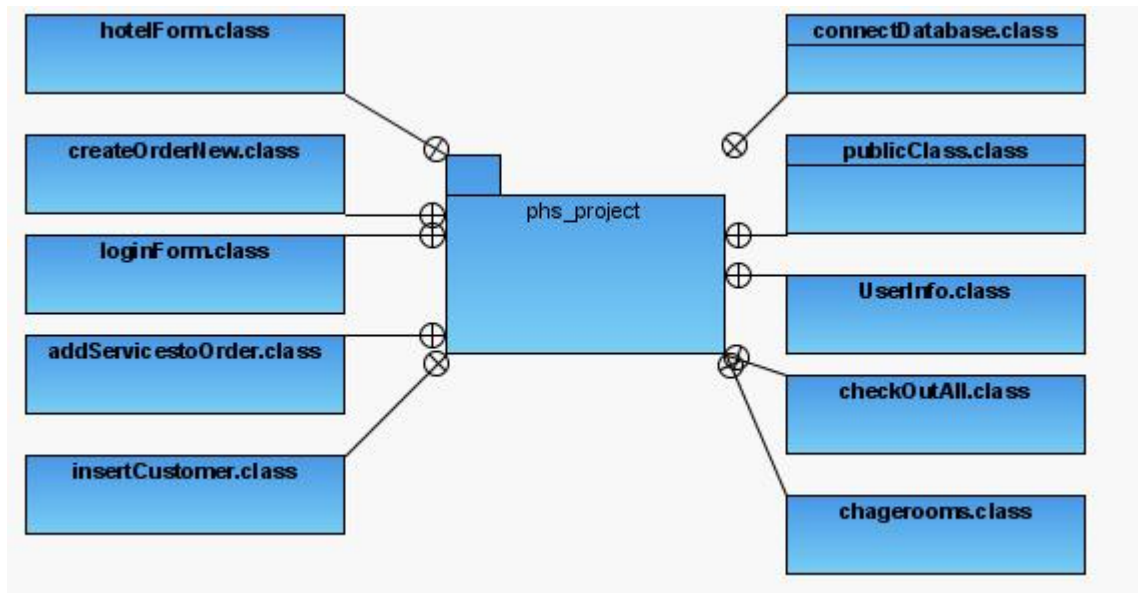
Hình 10: Sơ đồ quan hệ của các bản cơ sở dữ liệu

2) Thiết kế chương trình

Về phần thiết kế mã chương trình, em cố gắng liên kết giữa các thực thể thành các đối tượng có trong Java ví dụ như: User class, Customer class, Service class, Oder class. Cài đặt các hàm set, get để thể hiện việc thay đổi giá trị thuộc tính của thực thể. Đặt các gói, tên gói theo hướng gợi nhớ để dễ quản lý những class cùng chức năng hay cùng trong tầng xử lý

Phần thiết kế các class giao diện thì có hậu tố “Form” ở trong tên class dùng để thể hiện giao diện.

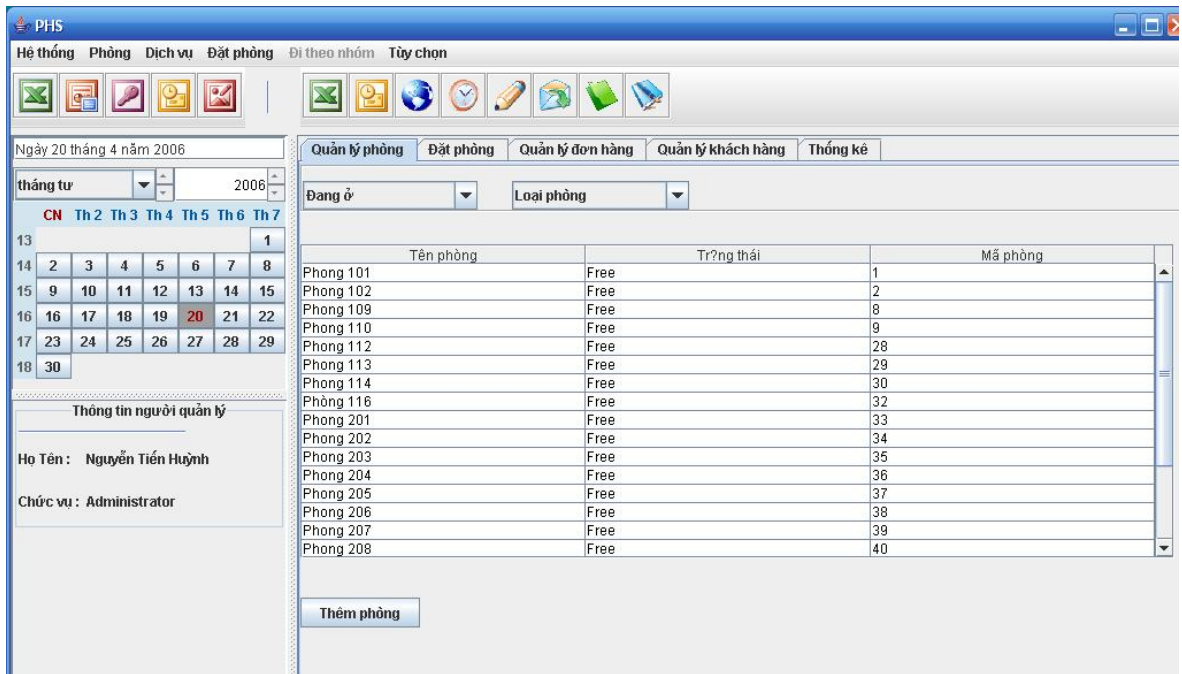
Tách phần kết nối và xử lý dữ liệu thành các class tiện ích như: ConnectDatabase class, CheckOutAll class, ChangeRoom class



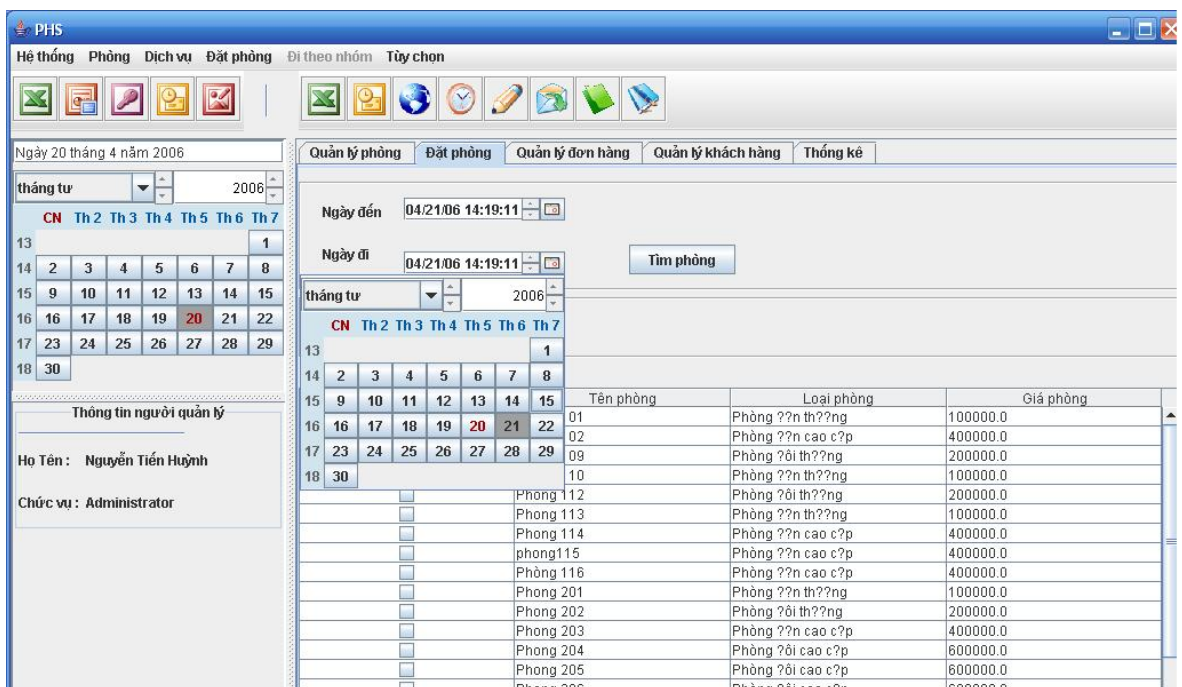
Hình 11: Biểu đồ thiết kế các lớp

3) Thiết kế giao diện

Hình 12: Giao diện đăng nhập



Hình 13: Giao diện chính khi vào chương trình



Hình 14: Chọn ngày để tìm kiếm phòng trống

PHIS

Hệ thống Phòng Dịch vụ Đặt phòng Đi theo nhóm Tùy chọn

Ngày 20 tháng 4 năm 2006

tháng tư 2006

CN Th 2 Th 3 Th 4 Th 5 Th 6 Th 7

13						1
14	2	3	4	5	6	7
15	9	10	11	12	13	14
16	16	17	18	19	20	21
17	23	24	25	26	27	28
18	30					

Thông tin người quản lý

Họ Tên : Nguyễn Tiến Huỳnh

Chức vụ : Administrator

Quản lý phòng Đặt phòng Quản lý đơn hàng Quản lý khách hàng Thống kê

Danh sách khách hàng

Họ và tên Kiểu

Giới tính ☐ Nam ☐ Nữ

Số CMT Điện thoại

Số hộ chiếu Email

Tuổi Quốc tịch

Địa chỉ

Ghi chú

Sửa Xóa Hoàn tất

Họ tên	Kiểu	CMT	VISA	Giới	Tuổi	Địa chỉ	Điện thoại	Email	Quốc tịch
Nguyễn Đ...	Mot minh	12345678		Nam	23	1A Yết Kiê...	4534534	tuan@hot...	Việt Nam
Nguyễn Đ...	Mot minh	12345678		Nam	23	1A Yết Kiê...	4534534	tuan@hot...	Mỹ
Phạm Tuấn	Gia đình			Nam	25				Việt Nam
phạm đắp	Gia đình			Nam	60				Vietnamese
Nguyễn th...	Mot minh	42424242...		Nam					Việt Nam
phạm tu...	Mot minh			Nam					Vietnamese
Nguyễn M...	Tap the	01234567...		Nam					Vietnamese
Nguyễn V...	Mot minh			Nam					Vietnamese
Nguyễn Đ...	Mot minh	12345678		Nam	23	1A Yết Kiê...	4534534	tuan@hot...	Mỹ
Khách H...	Mot minh			Nam					Vietnamese

Hình 15: Cập nhật thông tin khách hàng

Tạo đơn hàng mới

Mã số: 180 Ngày đặt: 2006-04-20 10:45:37.373

Ghi chú thêm:

Danh sách khách hàng:

Tên khách hàng
Nguyễn Đức Việt

Nhập thông tin khách hàng

Mã số: ☒ Khách mới ☐ Khách quen

Họ và tên: Giới tính: ☒ Nam ☐ Nữ Đi cùng:

Số CMT: Tuổi: Quốc tịch:

Số hộ chiếu: Địa chỉ:

Điện thoại:

Thư điện tử:

Ghi chú thêm:

Phòng sẽ ở:

Hình 16: Nhập đơn hàng mới

Đơn đơn hàng

Mã đơn hàng

Người đặt

Ngày đặt

180

Nguyễn Đức Việt

2006-04-20 10:45:37.373

Danh sách dịch vụ sẽ thêm

Chọn loại dịch vụ

Tất cả

Tạo mới loại DV

Tên dịch vụ	Giá tiền	Ghi chú	Loại
Cơm Gà	20000		Đồ ăn
Coca	2000		Đồ uống
Xe taxi ra bờ hồ	10000		Vận tải
1 Bộ comple	50000		Giặt là
Gọi IP	40000		Đàm thoại
Nội tỉnh	20000		Đàm thoại
Xe đi Hồ Tây	200000		Vận tải

Cho

Cả đoàn

Giá DV

40000

Giảm giá

100

Phí phát sinh

0

Thêm vào

Danh sách dịch vụ hiện có của đơn hàng

Tên dịch vụ	Giá tiền	Giảm giá	Phụ phí	Tổng tiền	Loại	Cửa phòng
Gọi IP	40000	100	0	39900	Đàm thoại	

Bỏ ra

Hoàn tất

Hình 17: Cập nhật các dịch vụ sử dụng của phòng đang đặt

Mã đơn hàng

180

Danh sách phòng đã có

Số phòng	Giá	Ngày ở	Ngày trả
phong115	400000.0	2006-04-21 14:1...	2006-04-22 14:1...
Phong 202	200000.0	2006-04-21 14:1...	2006-04-22 14:1...

Khách đang ở

Họ tên
Thanh Kế
Phạm Tuấn

<<Đổi>>

>>Chuyển>>

Danh sách phòng có thể chuyển

Số phòng	Giá
Phong 101	100000.0
Phong 102	400000.0
Phong 109	200000.0
Phong 110	100000.0
Phong 112	200000.0
Phong 113	100000.0
Phong 114	400000.0

Hoàn tất

Hình 18: Cập nhật thông tin về phòng đặt, nếu có đổi, chuyển phòng

Đơn hàng

180

Của khách

Nguyễn Đức Việt

Các phòng thuộc đơn hàng

Tên Phòng	Ngày Bắt	Ngày Kết	Tổng số n...	Đơn giá	Phí phát s...	Giảm giá	Thành tiền
phong115	2006-04-...	2006-04-...	1	400000.0	0	0	400000
Phong 202	2006-04-...	2006-04-...	1	200000.0	0	0	200000

Dịch vụ chi tiết của từng phòng

Tên dịch vụ	Thành tiền
-------------	------------

Tổng tiền phòng (1)

600,000

Tổng

0

Dịch vụ của đơn hàng

Tên dịch vụ	Phí dịch vụ	Phụ phí	Giảm giá	Thành tiền
Gọi IP	40000	0	100	39900

Tong Tiền dịch vụ (2)

39,900

Cong (1) + (2)

639,900

Giảm giá

0

Thanh tiền

639,900

Khách trả

0

Con lại

0

Trả phòng

Quay lại

Hoàn tất

Hủy bỏ

Hình 19: Làm thủ tục trả phòng, thanh toán

CHƯƠNG VI: HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT VÀ SỬ DỤNG

1) Cấu hình hệ thống

Cấu hình tối thiểu

Bộ vi xử lý (CPU), Pentium III 733 trở lên, Bộ nhớ mở rộng (RAM) 256 MB trở lên

Thiết bị lưu trữ dữ liệu (HDD) 40 GB

Cấu gợi ý:

RAM 512 Mb, CPU Pentium IV 1.8 GHz, HDD 80 GB

Phần mềm:

Sử dụng hệ điều hành Windows 2000 trở lên.

Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: MS SQL Server 2000 Sp3

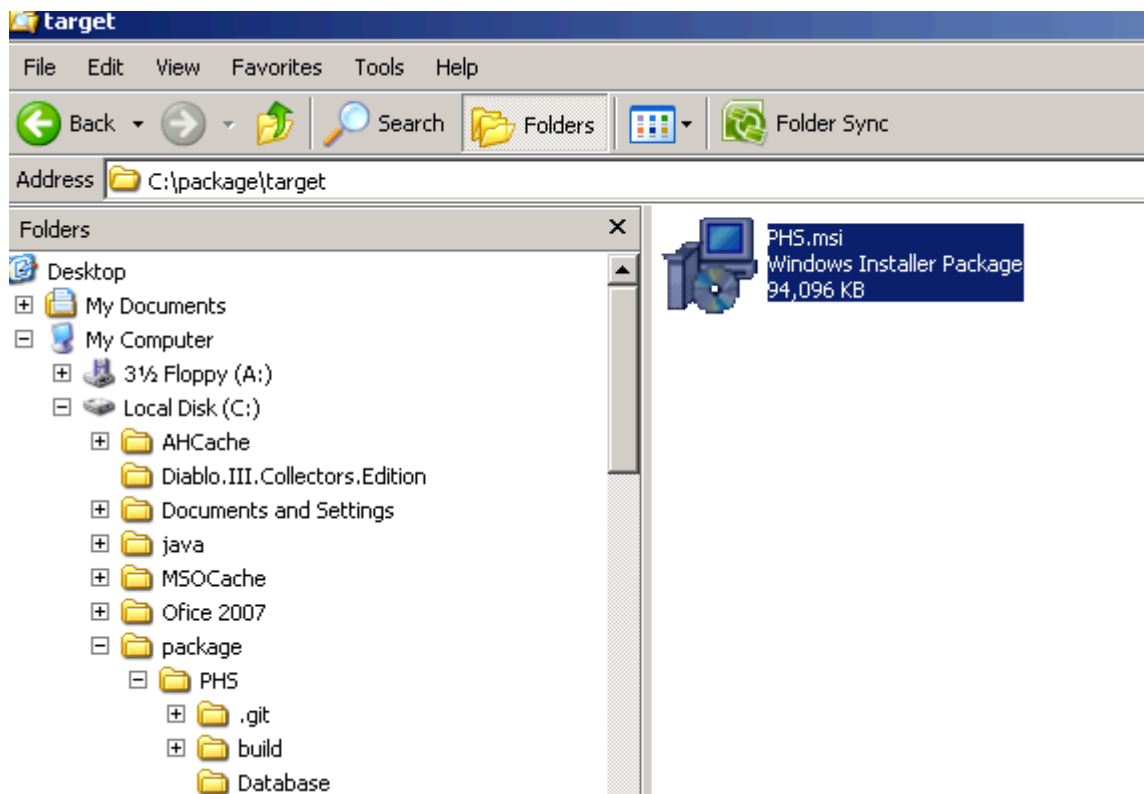
2) Hướng dẫn cài đặt

Cài đặt MS SQL Server

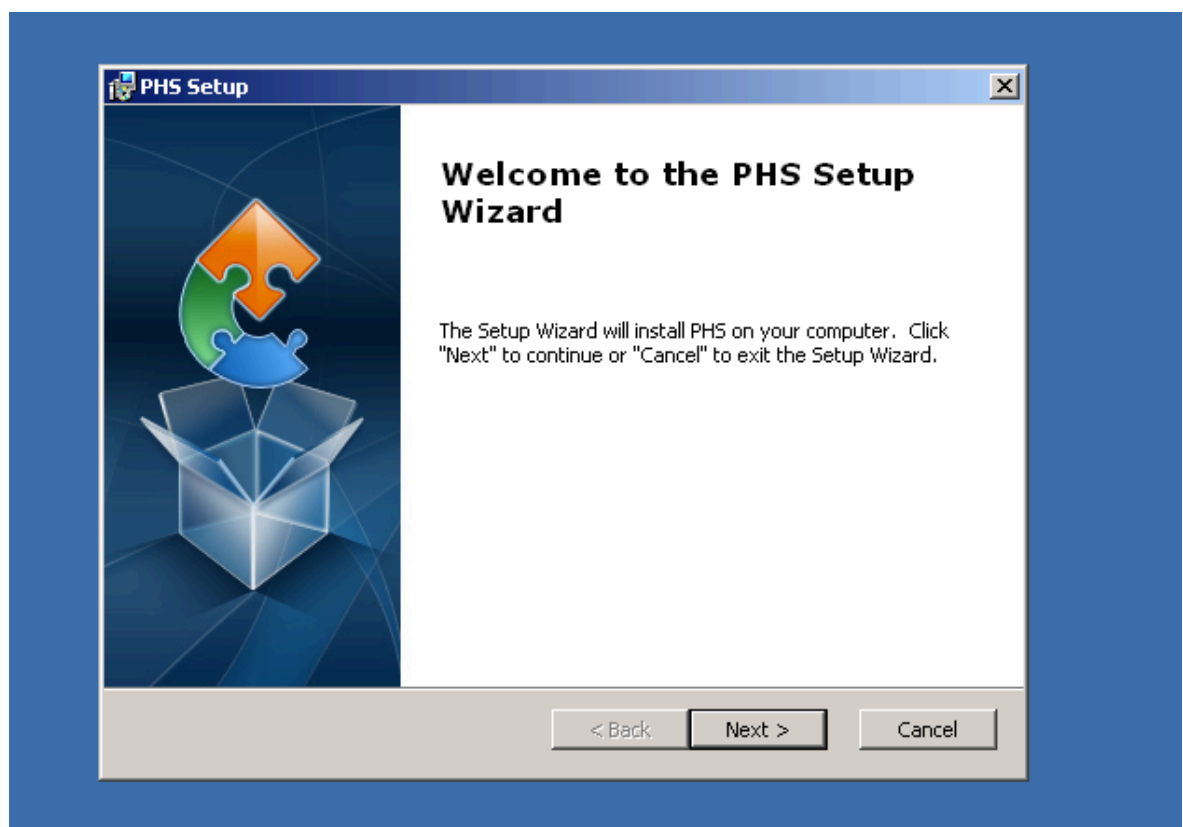
Xem tài liệu hướng dẫn cài đặt MS SQL Server bản .PDF đi kèm :

caidat_maychu_dulieu.pdf

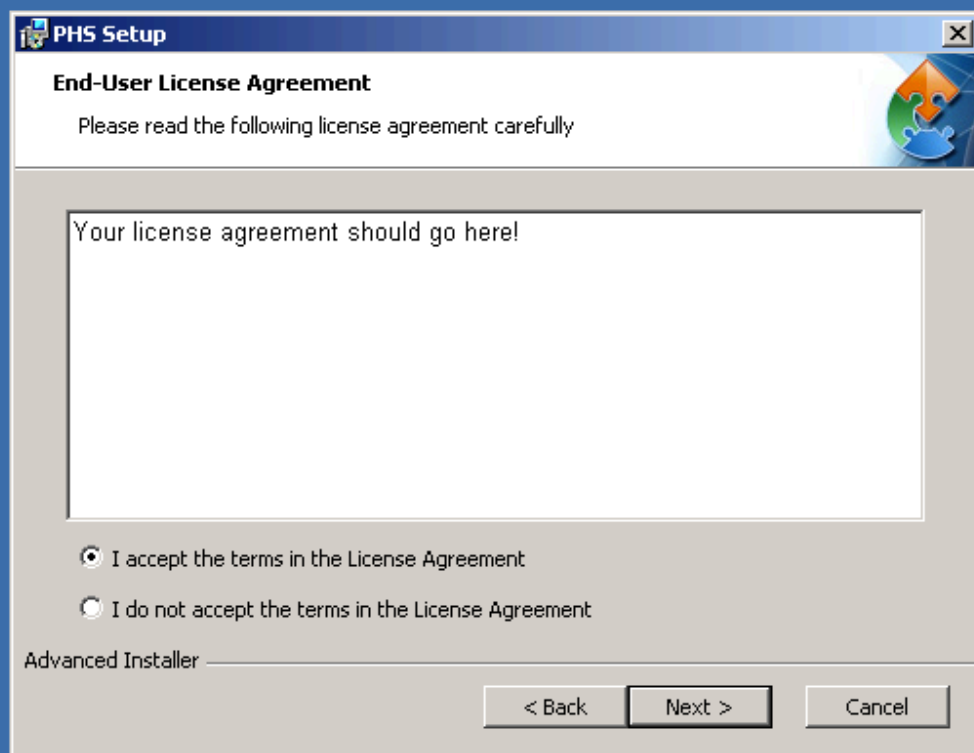
Cài đặt sản phẩm



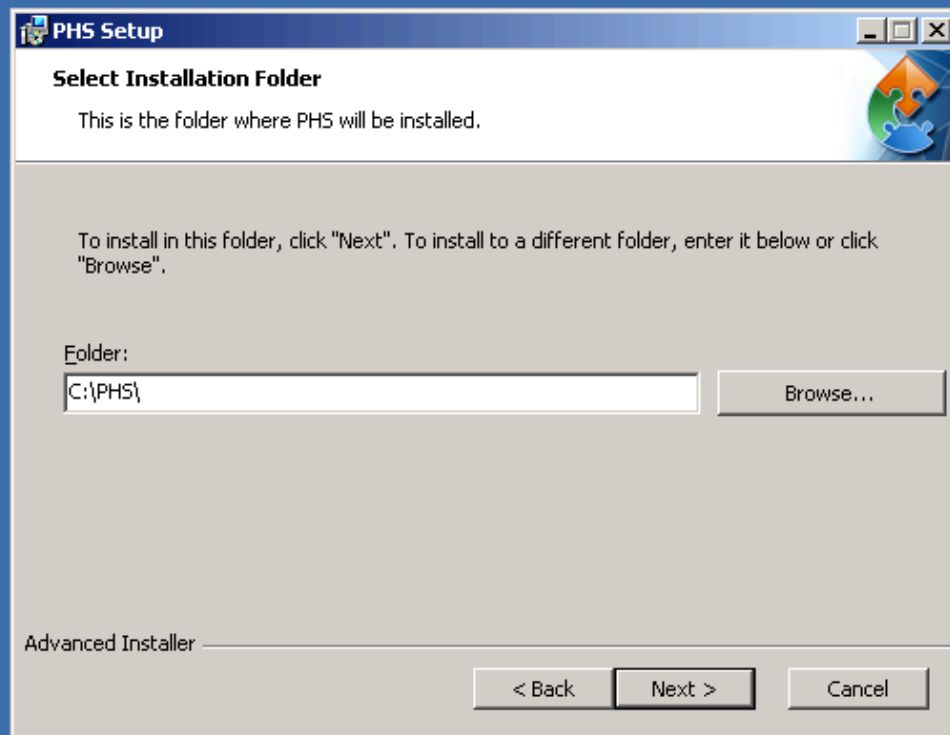
Hình 20: Chọn file MSI Cài đặt và nhấn đúp chuột



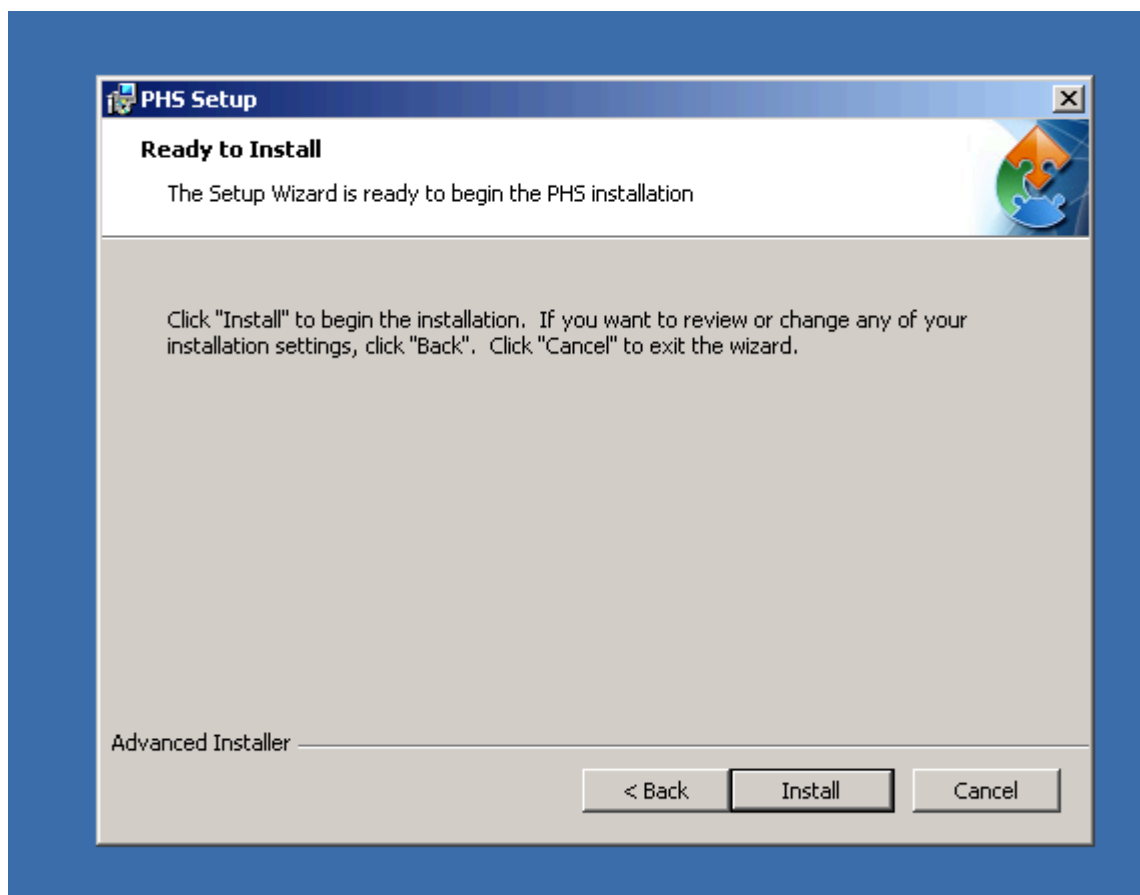
Hình 21: Bắt đầu vào giao diện cài, nhấn NEXT



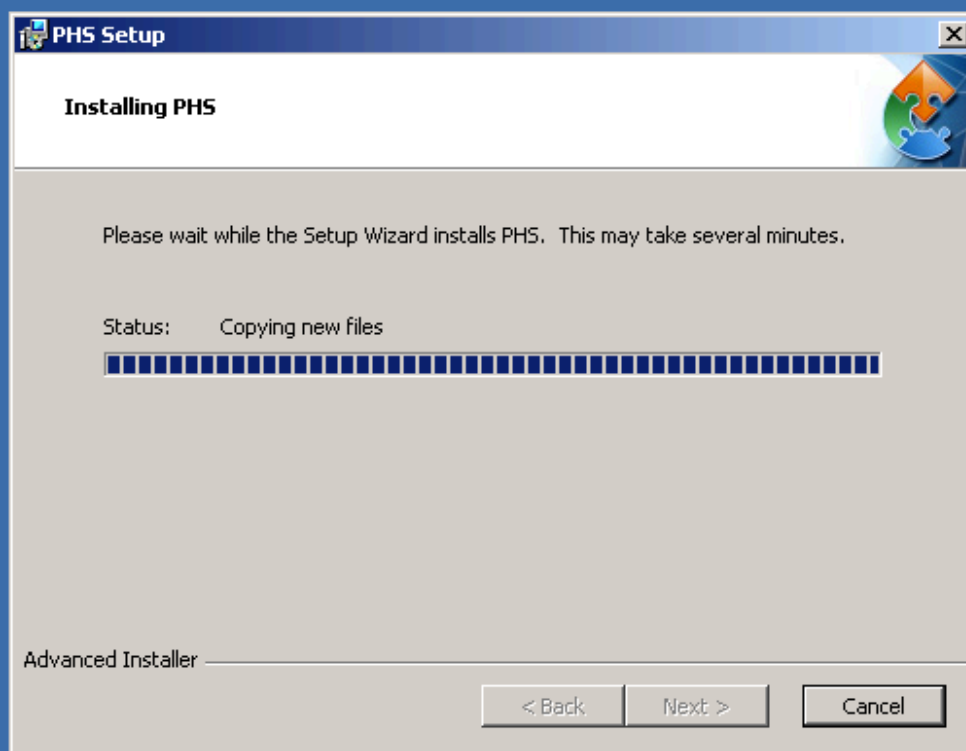
Hình 22: Chọn đồng ý thỏa thuận, nhấn NEXT



Hình 23: Chọn đường dẫn cài đặt, hoặc để mặc định, chọn NEXT



Hình 24: Nhấn INSTALL để bắt đầu cài đặt



Hình 25: Chờ tiến trình cài đặt hoàn tất

3) Hướng dẫn sử dụng

Xem tài liệu hướng dẫn sử dụng bản .PDF đi kèm : [huongdan_sudung.pdf](#)

KẾT LUẬN

Với thời gian có hạn và việc phát triển chương trình theo yêu cầu đặc thù của công ty FISINI. Phiên bản 1.0 của chương trình đã giải quyết được những chức năng cơ bản của một phần mềm QLKS. Cũng như giải quyết được những khó khăn mà công ty cũng như bản thân khách sạn PING đang gặp phải trong quá trình hoạt động quản lý phòng của mình.

Tuy vậy về hoàn thiện và nâng cấp phần mềm thì vẫn cần phải có những cải tiến cụ thể trong các phiên bản tiếp theo của phần mềm như:

Nâng cấp về chức năng:

Cần bổ xung thêm chức năng báo cáo tài chính chi tiết và in ấn.

Cần bổ xung thêm chức năng tự động sao lưu dữ liệu định kỳ.

Cần bổ xung chức năng gợi ý tìm kiếm, người dùng gõ đến đâu dữ liệu gợi ý hiện luôn bên dưới ô nhập liệu.

Bổ xung hiển thị thông tin chi tiết của phòng, hiện nay thể hiện quá sơ sài.

Thêm chức năng gửi thư thông báo khi có thay đổi dữ liệu về phòng, đơn hàng, khách hàng, như vậy nhà quản lý luôn luôn có được cập nhật mới nhất khi cần. (Lưu ý chức năng này phải cho người dùng chọn lựa có cho phép gửi thư hay không).

Trong các phiên bản sau có thể nghĩ đến việc cung cấp chức năng nghiệp vụ kế toán và thanh toán điện tử (quẹt thẻ, chuyển khoản ngân hàng) để hoàn thiện hơn nữa sản phẩm và tạo ra nhiều phương thức thanh toán tiện lợi cho khách.

Bổ xung chức năng ghi dấu truy cập và ghi lại lịch sử thay đổi dữ liệu, như vậy khi có sửa chữa thông tin, hóa đơn, dịch vụ, phòng, đều có thể báo cáo và thống kê tốt tránh nhầm lẫn.

Nâng cấp về giao diện người dùng:

Cần tìm các bộ giao diện thống nhất giữa các chức năng để tạo tính đồng bộ hóa cho chương trình ở tất cả các giao diện.

Chức năng chọn phòng để tạo đơn hàng còn hơi khó khăn cho người mới sử dụng khi người dùng phải nhấn ba thao tác chuột, nên thay đổi theo hướng đơn giản và thao tác gợi ý từng bước.

Tăng tính tương tác người dùng bằng việc sử dụng hình ảnh nhiều hơn nữa thay thế cho các nút và nhãn sẽ dễ hiểu hơn trong chương trình.

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian vừa qua, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo hướng dẫn Nguyễn Công Hoan cũng như những nhận xét đánh giá thẳng thắn, xác đáng, chi tiết và cụ thể để giúp em hoàn thiện đề tài. Qua những gợi ý quan trọng trong phần phân tích thiết kế hệ thống, cập nhật tài liệu báo cáo, đề cương chi tiết em đã có khả năng hoàn thiện sản phẩm một cách tốt nhất.

Em cũng xin cảm ơn các anh chị cố vấn học tập đã hỗ trợ em đề tài tài liệu, chương trình lên hệ thống của topica.

Cuối cùng em xin cảm ơn tập thể cán bộ công nhân viên của công ty FISINI cũng như khách sạn PING đã nhiệt tình giúp đỡ trong phần tìm hiểu công ty và nghiệp vụ của chương trình. Đặc biệt xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ông Nguyễn Trường Sơn, người đã trực tiếp làm việc với em để có thể hoàn thiện được sản phẩm như hôm nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách:

Giáo trình quy trình phát triển phần mềm Agile

Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống thông tin

Giáo trình lập trình cơ bản và nâng cao Java

Giáo trình hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS SQL Server

Giáo trình giao diện người – máy

Tài nguyên internet:

<http://skyhotel.vn/pricing>

<http://ks.o2bsoft.com/>

<http://pinghotel.vn/>

http://www.ehow.com/about_5387852_advantages-microsoft-sql.html